TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/KDTM-ST
Ngày: 26-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

2. Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2023/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2023/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hợp tác xã gạch không nung H3, địa chỉ trụ sở: Cụm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, là nguyên đơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc H, chức vụ: Giám đốc.

Bị đơn: Công ty Cổ phần L, địa chỉ trụ sở: Số C đường H, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Hải P, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980, chức vụ : Phó giám đốc Công ty Cổ phần L (theo văn bản ủy quyền số 128/GUQ-LQN ngày 26/9/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung đề ngày 01/6/2023 và 10/7/2023; tài liệu trong hồ sơ vụ án người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Hợp tác xã Gạch không nung Hiệp H2 trình bày:

Hợp tác xã G không nung Hiệp H2 và Công ty Cổ phần L ký kết Hợp đồng kinh tế về việc mua bán gạch không nung số 2409/HĐKT/LICOGIQN-HH ngày 24/9/2020, theo đó Công ty Cổ phần L mua của Hợp tác xã Gạch không nung Hiệp H2 hàng hóa là sản phẩm gạch xây không nung cốt liệu xi măng với quy cách, đơn giá, khối lượng như sau: Gạch đặc HH90D (55x90x190)mm: định mức 69 viên/m^2, 690 viên/m^3, đơn giá 1.000 đồng/viên; gạch 06 lỗ HH115L6 (75x115x175)mm: định mức 40 viên/m^2, 440 viên/m^3, đơn giá 1.650 đồng/viên và gạch 06 lỗ HH135L6 (95x135x190)mm: định mức 35 viên/m^2, 292 viên/m^3, đơn giá 2.050 đồng/viên. Đơn giá hàng hóa đã bao gồm VAT, không bao gồm pallet. Giá trị hợp đồng được tính trên số lượng hàng giao nhận trên thực tế, có xác nhận của hai bên với đơn giá hợp đồng. Địa điểm giao nhận hàng: đường số D, khu công nghiệp H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Phương thức thanh toán: giao hàng trước thanh toán sau, cứ 15 ngày lập hồ sơ thanh toán một lần hoặc giá trị giao hàng của Hợp tác xã Gạch không nung Hiệp H2 về công trường Công ty Cổ phần L đạt đến dư nợ 20.000.000 đồng. Trong thời hạn 03 ngày (từ ngày thứ 16 đến ngày thứ 18) bên mua phải thanh toán dứt điểm cho bên bán giá trị hàng đã giao.

Tuy nhiên, từ ngày 03/11/2020 đến ngày 22/12/2021, Hợp tác xã Gạch không nung Hiệp H2 đã giao hàng cho Công ty Cổ phần L với tổng giá trị là 175.210.000 đồng, đồng thời đã xuất hóa đơn VAT và các chứng từ khác theo thỏa thuận nhưng Công ty Cổ phần L chỉ mới thanh toán cho Hợp tác xã Gạch không nung Hiệp Hưng 80.000.000 đồng. Còn nợ lại 95.210.000 đồng. Ngày 22/12/2021 và ngày 18/5/2022, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, xác nhận Công ty Cổ phần L còn nợ Hợp tác xã G không nung Hiệp H2 số tiền 95.210.000 đồng và đến nay vẫn chưa trả.

Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần L trả cho Hợp tác xã G không nung Hiệp Hưng số tiền 104.731.000 đồng, trong đó nợ gốc 95.210.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 9.521.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có văn bản trình bày chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần L trả tiền còn nợ 95.210.000 đồng và không yêu cầu về tiền lãi.

Bị đơn Công ty Cổ phần L trình bày: Được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, ngày 26/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 95.210.000 theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/5/2022 và đồng ý trả cho nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo qui định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những

người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng hạn theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 91; Điều 92; Điều 146; Điều 147; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 86, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự; Điều 50, Điều 55 Luật thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 95.210.000 đồng cho nguyên đơn

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu về khoản tiền lãi chậm thanh toán mà nguyên đơn rút.

- Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1 Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có văn bản không yêu cầu Công ty Cổ phần L trả tiền lãi với số tiền 9.521.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Hợp đồng kinh tế về việc mua bán gạch không nung số 2409/HĐKT/LICOGIQN-HH ngày 24/9/2020, bị đơn mua của nguyên đơn hàng hóa là sản phẩm gạch xây không nung cốt liệu xi măng với quy cách, đơn giá, khối lượng được quy định cụ thể trong hợp đồng (bút lục 37), giá trị hợp đồng được tính trên số lượng giao nhận thực tế, có xác nhận của hai bên với đơn giá quy định trong hợp đồng. Nguyên đơn trình bày trên cơ sở hợp đồng kinh tế nêu trên từ ngày 03/11/2020 đến ngày 22/12/2021, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn với tổng giá trị là 175.210.000 đồng, đồng thời đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng và các chứng từ khác theo thỏa thuận nhưng bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng, còn nợ lại 95.210.000 đồng. Hai bên đã thực hiện việc đối chiếu công nợ vào ngày 22/12/2021 và ngày 18/5/2022. Tại đơn xin xét xử vắng mặt phía bị đơn

thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 95.210.000 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/5/2022 và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện các đương sự đều thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn phải nộp.

- Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 4.760.500 đồng (95.210.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 146; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 86, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự; Điều 50, Điều 55 Luật thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Gạch không nung Hiệp H2.

Buộc Công ty Cổ phần L phải trả cho Hợp tác xã G1 không nung Hiệp H2 số tiền chưa thanh toán là 95.210.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Hợp tác xã Gạch không nung Hiệp H2 về yêu cầu tiền lãi đối với số tiền 9.521.000 đồng.

3. Về án phí:

- Công ty Cổ phần L phải chịu 4.760.500 đồng án phí kinh doanh thương mại.

- Hoàn trả Hợp tác xã G không nung Hiệp H2 số tiền 2.618.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006333 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Như